

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH XNK Trần Phương
- 1.2. Địa chỉ: 864 Xa Lộ Hà Nội ,Khu phố 6, Phường Hiệp Phú ,Thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽⁴⁾:
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: SCOOPY STYLISH
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): F1C02N47L0A A/T
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 21KXM/281230
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 4467/NETC-M/21/C

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 94 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 226 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: JM02E Loại động cơ: 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 109,51 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 6,6/7500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: vô cấp
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:.
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 10,625
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 100/90-12 áp suất lốp: 225 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 110/90-12 áp suất lốp: 225 kPa



2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: ~~TCVN 7357:2010/TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/~~.⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,788 l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2020
CÔNG TY TNHH TRẦN PHƯƠNG



GIÁM ĐỐC
Hàng Minh Hạnh

Ghi chú:

(1) *Gạch ngang phần không áp dụng.*

(2) *Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại*

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm